

Bản án số: 151/2021/HS-ST
Ngày 30 -11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021 và ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/HSST-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1968 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 1, Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: không nơi cư trú N1 định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A1 (chết) và bà Lê Thị T (chết); chồng tên Bùi Hữu P (sinh năm 1967), có 02 người con sinh năm 1990 và 1993; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 21/4/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1953; Địa chỉ: số 2 Đường D, xã E, huyện F, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Nguyên đơn dân sự: Ông **Bùi Duy N1**, sinh năm 1982; Địa chỉ: số 3 Đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Bị đơn dân sự: Ông **P1**, sinh năm 1965; Địa chỉ: số 1, Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc A được gia đình bà Huỳnh Thị N thuê dọn dẹp vệ sinh tại căn nhà địa chỉ số 2 Đường D, xã E, huyện F, thành phố Hồ Chí Minh, thời gian làm việc từ 08 giờ đến 14 giờ hàng ngày. Do thiếu nợ nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà N bán lấy tiền trả nợ. Khoảng 08 giờ ngày 13/6/2019, A đến nhà bà N làm việc như mọi ngày, khi đang dọn dẹp tại lầu một thì A lợi dụng lúc không có người trông coi đã lén lút đi vào phòng của bà N mở tủ quần áo tìm tài sản. A P1 hiện ngăn kéo phía dưới tủ quần áo không có khóa, bên trong có một chiếc vòng đeo tay đính đá quý và ba chiếc nhẫn. Lúc này, A lấy chiếc vòng đeo tay bỏ vào túi quần bên phải rồi đóng cửa tủ quần áo lại và tiếp tục dọn dẹp. Sau khi hết giờ làm việc, A mang chiếc vòng đeo tay vừa lấy trộm được đi đến gặp anh ruột là ông P1 để nhờ cầm chiếc vòng đeo tay này nhưng không nói cho ông P1 biết đây là tài sản do Anh trộm cắp, ông P1 đồng ý và mang chiếc vòng đeo tay đến tiệm cầm đồ Nguyễn Thị Kim O tại địa chỉ số 205 số 2, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cầm cho ông Bùi Duy N1 với giá 20.000.000 đồng. Xong, ông P1 quay về đưa lại toàn bộ số tiền cầm cố cho A thì A cho ông P1 2.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng Anh dùng trả nợ cho người đàn ông tên Đen (không rõ lai lịch). Sau khi P1 hiện bị mất tài sản, bà N nói cho con ruột là chị Nguyễn Thị Ngọc H biết và chị Hương nghi vấn Anh lấy trộm tài sản. Ngày 14/6/2019, khi A đến dọn dẹp thì chị H hỏi chuyện, A đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà N nên chị H đến Công an xã E trình báo sự việc. Công an xã lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra xử lý.

Kết luận về giá tài sản số 1795/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 31/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định chiếc vòng vàng trắng trọng lượng 4 chỉ 79 ly có đính 110 viên hột tám và 06 viên kim cương 3ly6 trị giá 70.480.000 đồng.

Do có sự thay đổi về thông tin đặc điểm của tài sản nên Kết luận về giá tài sản số 3473/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh đã xác định chiếc vòng xoàn N55 trắng trọng lượng 17,753g quy đổi 4,734 chỉ, có đính 110 viên hột tám (6v ổ xoàn), 6 viên hột 3.6 E trị giá 59.660.000 đồng.

Ngày 14/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Ngọc A nhưng do A không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh ra Quyết định truy nã đối với A.

Ngày 21/4/2021, Nguyễn Thị Ngọc A bị Công an phường G, quận H Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo Quyết định truy nã. Công an phường chuyển đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Thị Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc vòng xoàn N55 trắng trọng lượng 17,753g quy đổi 4,734 chỉ, có đính 110 viên hột tám (6v ổ xoàn), 6 viên hột 3.6 E (do ông Bùi Duy N1 giao nộp).

- 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (do ông P1 giao nộp).

Tại bản cáo trạng số 161/CT-VKS ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về dân sự: buộc ông P1 có trách nhiệm bồi thường cho ông N1 số tiền 18.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ông P1 đồng ý bồi thường cho theo yêu cầu của ông Bùi Duy N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Vào ngày 13/6/2029 bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã có hành lén lút chiếm đoạt 01 chiếc vòng hột xoàn N55 trắng trọng lượng 17,753g quy đổi 4,734 chỉ, có đính 110 viên hột tám (6v ổ xoàn), 6 viên hột 3.6 E của bà Huỳnh Thị N tại nhà số 2 Đường D, xã E, huyện F, thành phố Hồ Chí Minh. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng vụ án, kết quả thực nghiệm điều tra, những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Kết luận về giá tài sản số 3473/HĐĐGTTTHS-TCKH ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh đã xác định chiếc vòng xoàn N55 trắng trọng lượng 17,753g quy đổi 4,734 chỉ, có đính 110 viên hột tằm (6v ổ xoàn), 6 viên hột 3.6 E trị giá 59.660.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo Anh về tội “Trộm cắp tài sản” theo cáo trạng số 161/CT-VKS ngày 09 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng người, đúng tội.

[3] Sau khi hành vi của bị cáo bị P1 hiện, trong thời gian cơ quan tiến hành tố tụng đang giải quyết vụ án, cho bị cáo được tại ngoại để điều tra thì bị cáo lại bỏ trốn gây khó khăn có các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây cũng là tình tiết mà Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với P1: Qua lời khai của P1 và lời khai của Ngọc A cũng như kết quả xét hỏi tranh luận tại phiên tòa thì P1 không biết chiếc vòng đeo tay mà A nhờ P1 mang đi cầm là tài sản do A phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý P1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[6] Đối với Bùi Duy N1: khi N1 cầm chiếc vòng này từ P1 thì N1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý N1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7] Về vật chứng vụ án:

[8] - 01 chiếc vòng xoàn N55 trắng trọng lượng 17,753g quy đổi 4,734 chỉ, có đính 110 viên hột tằm (6v ổ xoàn), 6 viên hột 3.6 E. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại tài sản cho bà N.

[9] - 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (do ông P1 giao nộp): Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại số tiền này cho ông Bùi Duy N1.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Huỳnh Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[11] Ông Bùi Duy N1 đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu P1 bồi thường số tiền 18.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu của ông N1 là có căn cứ và tại phiên tòa ông P1 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N1, nên Hội đồng

xét xử chấp nhận, buộc ông P1 có trách nhiệm bồi thường cho ông N1 số tiền 18.000.000 đồng.

[12] Ông P1 không yêu cầu bị cáo A hoàn trả số tiền 18.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì được giải quyết bằng một kiện dân sự khác khi có đủ điều kiện thụ lý.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và ông P1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo cũng như bồi thường dân sự và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[15] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 136, khoản 5 Điều 328, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015,

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Khoản 1 Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc A** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2021.

Về dân sự:

Buộc ông P1 có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Duy N1 với số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, theo phương thức bồi thường một lần.

Kể từ khi ông N1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì ông P1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, ông P1 chịu 900.000 (chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, ông P1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TAND TPHCM; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (1) |
| - VKSND huyện Bình Chánh; | (1) |
| - CA huyện Bình Chánh; | (2) |
| - Chi cục THADS H. Bình Chánh; | (1) |
| - PV 06 - Công an TPHCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TPHCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đường sự | (1) |
| - Lưu; | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đỗ Thị Duy Linh

